

Bản án số: 27/2024/HSST.

Ngày: 17/4/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân H và bà Nguyễn Thị Thìn
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Mạnh H - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 17 Thg 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/HSST ngày 22 Thg 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 03 Thg 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn C - Sinh năm 1970, tại H, hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên cha: Bùi Dương C; Họ và tên mẹ: Vũ Thị Th; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, thị xã M, tỉnh H. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Tuấn Anh – Luật sư văn phòng luật sư B Nhân – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

* **Người bị hại:** Trương Trọng L – Sinh năm 1994 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã M, tỉnh H.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1- Anh Hoàng Văn B - Sinh năm 1993 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Bản L, xã Bản P, huyện B Thắng, tỉnh Lào Cai

2- Anh Trương Mạnh L – Sinh năm 1992 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã M, tỉnh H

*** Người làm chứng :**

1- Anh Hàn Ngọc H – Sinh năm 1990(*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh H.

2- Chị Nguyễn Thị Tuyết M – Sinh năm 1981(*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã M, tỉnh H.

3- Anh Trần Văn L – Sinh năm 1976(*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn X, xã X, thị xã M, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn C có trang trại trồng cây và nuôi cá tại khu vực cánh đồng Đỗ thuộc thôn P, xã H, thị xã M.

Khoảng 17 giờ ngày 19/6/2023, C điều khiển xe mô tô chở cháu Bùi Bình An, sinh năm 2017 (là cháu nội của C) đến trang trại thì thấy anh Trương Trọng L, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú thôn Đ, xã H, thị xã M và anh Hoàng Văn B, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú bản L, xã Bản P, huyện B Thắng, tỉnh Lào Cai, chỗ ở thôn Đ, xã H đang sử dụng công cụ kích điện đánh cá ở ruộng nước thủy lợi thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã H giáp với trang trại của gia đình nhà C. Do nghi ngờ anh L và anh B bắt trộm cá nhà mình nên C dừng xe mô tô đi lại gần chỗ anh L đang kích điện đánh cá còn anh B cầm giỏ đựng cá đứng bên cạnh, nói: “Ao cá nhà chúng mày đây à mà chúng mày đánh cá, ai cho chúng mày đánh cá ở ao nhà tao”, thấy anh L và anh B không nói gì. Lúc này, C đứng chệch chéo ở phía sau cách anh L khoảng 04- 05 m rồi nhặt cục đá ở dưới chân ném 01 nhát về phía anh L nhưng không trúng, C tiếp tục nhặt cục đá (không xác định được kích thước) ở dưới chân ném trúng vào phần phía sau đầu của anh L làm anh L bị vỡ xương, rách da, chảy máu tại vùng cằm sau bên phải, rách da chảy máu tại đỉnh sau bên phải. Sau khi bị C ném anh L ôm đầu ngồi xuống rồi công cụ kích điện đánh cá trên lưng ra rồi lên trên bờ ngồi. C tiếp tục nhặt 01 cục đá ném trúng bả vai bên phải của anh B làm anh B bị trầy xước da vùng bả vai phải. Sau đó C thấy anh L bị thương nên đã gọi điện báo cho Công an xã H đến rồi đưa anh L đi cấp cứu và điều trị tại các bệnh viện từ ngày 19/6/2023 đến ngày 21/7/2023 thì ra viện.

Vật chứng thu giữ: Tại nơi xảy ra vụ việc 01 máy kích điện đánh cá tự chế gồm bộ khung kích, 02 vợt, bình ắc quy và 01 giỏ nhựa màu xanh bên trong có nhiều cá rô phi, cá sộp nhỏ.

Ngày 19/6/2023 Công an xã H đã cho Bùi Văn C xác định nơi xảy ra vụ việc và truy tìm vật gây thương tích, kết quả C đã chỉ 01 viên đá có màu trắng đục, kích thước (6x7x6)cm nằm trên tầng gạch dưới rãnh bao (niêm phong ký hiệu A), đồng thời Công an xã H tiến hành xác định khối lượng cá mà anh L đã kích cá điện được, cụ thể 700gam cá sộp loại nhỏ và 500 gam cá tạp loại nhỏ.

Ngày 20/6/2023 anh Trương Mạnh L (là anh trai của anh L) làm đơn trình báo đến Công an xã H. Sau đó, anh L làm đơn (không ghi ngày Thg) đề nghị giám định và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngay sau khi xảy ra vụ việc anh L được sơ cứu tại Trạm y tế xã H, sau đó chuyển lên Bệnh viện đa khoa Phố Nối, thị xã M, Bệnh viện hữu nghị Việt Đức để điều trị và được chẩn đoán bị chấn thương sọ não: máu tụ ngoài màng cứng chẩm hố sau.

Tại bản kết luận giám định số 138/2023/KLTTCT-TTPY\$GĐYK ngày 05/9/2023 của Trung tâm giám pháp y và giám định y khoa- Sở y tế H, kết luận: Căn cứ vào Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Trọng L tại thời điểm giám định là 39%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích do vật cứng có cạnh không đều gây nên. Ổ tổn thương cạnh sừng trán não thất bên phải là tổn thương cũ có trước thời điểm xảy ra vụ việc trên. Các thương tích còn lại của Trương Trọng L như đã mô tả ở trên phù hợp với thời điểm xảy ra vụ việc ngày 19/6/2023. Đối với thương tích của Trương Trọng L nếu không được cấp cứu kịp thời cũng ít có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng.

Ngày 12/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M có Công văn số 889/CV-CSHS đề nghị trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh H giải thích một số nội dung liên quan đến tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với từng thương tích của anh Trương Trọng L. Tại Công văn số 88/TTPY &GĐYK-KGĐPY\$CLS ngày 15/9/2023 của Trung tâm giám pháp y và giám định y khoa- Sở y tế H, trả lời như sau:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với từng thương tích và tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Trọng L tại thời điểm giám định được tính như sau: 01 sẹo kích thước trung bình chéo vùng đỉnh phải. (Tỷ lệ 02%); 01 sẹo kích thước lớn vùng chẩm phải; Sẹo do phẫu thuật sọ não. (Tỷ lệ 03%); Vỡ xương chẩm phải chiều dài đường vỡ 3,2cm, điện não không có ổ tổn thương tương ứng. (Tỷ lệ 15%); Ổ khuyết sọ vùng chẩm phải, đường kính dưới 02 cm, đáy chắc. (Tỷ lệ 16%); Máu tụ ngoài màng cứng chẩm hố sau bên phải, đã điều trị không còn hình ảnh tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh. (Tỷ lệ 05%); Tụ máu nhu mô não tùy chẩm- thái dương phải đã điều trị không còn hình ảnh tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh. (Tỷ lệ 05%); Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 39%. Áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT

- Ổ tổn thương cạnh sừng trán não thất bên phải là tổn thương cũ có trước thời điểm xảy ra vụ việc trên. Nên trong bản kết luận không tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của thương tích này.

- Cơ chế hình thành thương tích được xác định như sau: Sẹo kích thước lớn vùng chẩm phải là do vật cứng có gờ cạnh và do can thiệp phẫu thuật sọ não gây nên; Ổ khuyết sọ vùng chẩm phải là do can thiệp phẫu thuật gây nên; Các tổn thương còn lại là do dạng vật cứng có cạnh không đều gây nên.

Đối với thương tích của anh Hoàng Văn B do Bùi Văn C gây nên, Ngày 25/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ

phần trăm tổn hại sức khỏe của anh B, anh B đã có đơn từ chối giám định và không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐ ngày 15/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: 700 gam cá sộp loại nhỏ, 500 gam cá tạp loại nhỏ. Do thông tin liên quan đến tài sản không đầy đủ. Hội đồng định giá không định giá. Do không thể B quản được nên Công an xã H đã thả về tự nhiên.

Đối với viên đá Bùi Văn C đã chỉ dẫn cho lực lượng Công an thu giữ. Quá trình điều tra, C không xác định được viên đá đã thu giữ là viên đá gây thương tích cho anh L, hiện cơ quan điều tra đang B quản tại kho vật chứng để chờ xử lý theo quy định. Còn các viên đá khác C sử dụng để ném anh L và ném anh B không xác định được nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Các chi phí trong thời gian anh L khám và điều trị bệnh đã được C chi trả toàn bộ với tổng số tiền là 47.106.000 đồng. Anh L yêu cầu C bồi thường tổng số tiền 350.000.000 đồng (gồm bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị là 50.000.000 đồng, thiệt hại về thu nhập 50.000.000 đồng và bồi thường tổn hại về sức khỏe, tinh thần là 250.000.000 đồng). C bồi thường thêm cho anh L 50.000.000 đồng. Như vậy, anh L yêu cầu C phải bồi thường cho anh số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. C không đồng ý và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với công cụ kích điện đã thu giữ. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn Tập, sinh năm 1976, hộ khẩu thường trú thôn X, xã X, thị xã M, ông Tập đã cho L mượn nhưng không biết L sử dụng để đi đánh cá tự nhiên nên không đủ căn cứ xử lý đối với ông Tập, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Tập công cụ kích điện nêu trên, ông Tập đã nhận lại tài sản không yêu cầu đề nghị gì. Anh L đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng công cụ kích điện khai thác thủy sản.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKSMH ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo xác nhận đã chi phí tại các bệnh viện cho anh L 47.106.000đ và đưa cho anh L 50.000.000đ để bồi dưỡng sức khỏe.

Bị hại anh L trình bày: Chi phí tại các bệnh viện và xe đi lại là bị cáo chi trả, ngoài ra bị cáo còn đưa cho anh 50.000.000đ. Nay anh yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 300.000.000đ trong đó 50.000.000đ là tiền mất thu nhập và 250.000.000đ là tiền tổn thất tinh thần.

Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn Cứ: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C 03 (ba) năm đến 03 năm 03 Thg tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự; Điều 2, Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ – HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số qui định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trương Trọng L số tiền là: 122.153.248đ – 131.153.248đ. Trong đó đã bồi thường 90.905.048đ còn phải bồi thường 31.248.000đ đến 40.248.000đ. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị về vật chứng, án phí.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Xác định bị hại có lỗi do sử dụng kích điện khai thác thủy sản tại khu vực rãnh nước thuộc quyền quản lý của bị cáo, trang trại của bị cáo đã nhiều lần mất trộm nên bị cáo bức xúc không kìm chế được, sau khi bị cáo quát hỏi nhưng anh L không trả lời, do bị hại có hành vi trái pháp luật nên bị cáo đã bị kích động mạnh về tinh thần nên mới gây thương tích cho anh L mặc dù trước đó bị cáo và anh L không mâu thuẫn. Vì vậy bị cáo không thể phạm tội với tính chất côn đồ. Ngoài ra bị cáo đã bồi thường toàn bộ trong quá trình khám chữa bệnh cho anh L, bản chất bị cáo là người chất phác, thật thà, ăn năn hối cải tại phiên toà 2 lần xin lỗi bị hại. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, e khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS để xử dưới khung cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương về tội cố ý gây thương tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M, Điều tra viên, kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên đều hợp pháp.

[2]- Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, vật chứng, kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ căn cứ kết luận: “Do nghi ngờ anh Trương Trọng L và anh Hoàng Văn B đánh cá tại trang trại của gia đình nhà mình, khoảng 18 giờ ngày 19/6/2023 tại khu vực trang trại của gia đình Bùi Văn C ở thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh H, C đã có hành vi cầm cục đá (không xác định được kích thước) là hung khí nguy hiểm ném vào đầu của anh L làm anh L bị vỡ xương, rách da, chảy máu tại vùng cằm sau bên phải, rách da chảy máu tại đỉnh sau bên phải, tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 39%. Cơ chế hình thành thương tích do vật cứng có cạnh không đều gây nên.

Bị cáo đã dùng cục đá là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho anh L. Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo về tình tiết dùng hung khí nguy hiểm là chính xác và đúng pháp luật.

Anh L và anh B đang đánh bắt cá tại phần rãnh bao ngoài trang trại hướng nam giáp đường đi kênh Hồ Chí Minh rộng 4,5- 5m là phần đất thủy lợi của tập thể quản lý tại biên bản làm việc với lãnh đạo UBND xã H và cán bộ địa chính xã H (BL 41). Như vậy việc anh L và anh B đánh bắt cá không nằm trong khuôn viên trang trại của bị cáo, không có mâu thuẫn gì với bị cáo, khi bị cáo quát hỏi anh L và anh B tại sao lại đánh bắt cá tại đây, anh L không nói và không thách thức bị cáo. Hành vi sử dụng công cụ khai thác thủy sản đối với trường hợp không sử dụng tàu cá của anh L là hành vi hành chính vi phạm khoản 1 Điều 28 Nghị định 42/2019/NĐ – CP ngày 16/5/2019, không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo, vì vậy không thể xác định bị hại có lỗi và bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra để cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS như quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo. Do không có mâu thuẫn nhưng bị cáo đã dùng hung khí bất ngờ, vô cớ gây thương tích cho anh L là hành vi côn đồ. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ khác với đối tượng côn đồ, đối tượng côn đồ là những đối tượng hung hãn, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo với tình tiết định khung: “Có tính chất côn đồ” là có căn cứ. Viện kiểm sát thị xã M truy tố bị cáo tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là chính xác và đúng pháp luật.

[3]- Bị cáo phạm tội độc L, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được luật hình sự B vệ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra và tại phiên toà Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cùng gia đình đã khắc phục hậu quả và tự nguyện bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, chăm sóc người bị hại; bố đẻ bị cáo là người có công với nhà nước được nhà nước tặng huân chương kháng C hạng 3 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

nên cần phải có hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật lấy giáo dục riêng để phòng ngừa chung tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cùng gia đình đã khắc phục hậu quả và tự nguyện bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, chăm sóc người bị hại; bố đẻ bị cáo là người có công với nhà nước được nhà nước tặng huân chương

kháng C hạng 3 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ động cơ, mục đích, tính chất, vai trò của hành vi phạm tội, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự và có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự nên có thể cho bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt qui định tại khoản 3 Điều 134 bộ luật hình sự.

[4]- Về trách nhiệm dân sự: Anh L yêu cầu bị cáo bồi thường 350.000.000đ trong đó bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị là 50.000.000đ; thu nhập bị mất là 50.000.000đ, tổn hại tinh thần là 250.000.000đ. Bị cáo đã bồi thường 50.000.000đ còn phải bồi thường tiếp là 300.000.000đ thì thấy:

Anh L nằm viện điều trị từ bệnh viện đa khoa Phố Nối, bệnh viện Việt Đức, trung tâm y tế M: Tổng thời gian nằm viện là 36 ngày. Toàn bộ khoản chi phí điều trị và tiền xe là do bị cáo chi trả. Bị cáo khai tổng chi phí là 47.106.000đ. Ngoài ra bị cáo còn đưa cho anh L số tiền 50.000.000đ.

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ – HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số qui định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Thiệt hại được bồi thường bao gồm:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe bị giảm sút: Chi phí khám chữa bệnh có hoá đơn hợp lệ và xe đi lại tổng chi phí là 40.905.048đồng;

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho anh L được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án là 160.000đ x 36 ngày = 5.760.000đ đối trừ số tiền bị cáo đã chi phí tiền ăn uống của anh L tại các bệnh viện số tiền là 2.500.000đ nên còn lại 3.260.000đ;

- Thu nhập thực tế bị mất: Anh L là công nhân của công ty Mektek từ 30/5/2023 với mức thu nhập là 6.321.361đồng/ Thg nhưng trước khi làm công nhân anh làm thuê cho anh Hưng với thu nhập 10.000.000đ/ Thg. Xét thu nhập 3 Thg liền kề thì xác định mức thu nhập của anh L được chấp nhận là 10.000.000đ/ Thg. Số ngày anh nằm viện bị mất thu nhập là 36 ngày = 11.988.000đ.

- Chi phí phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là 03 Thg = 30.000.000đ

- Chi phí hợp lý cho người chăm sóc: Anh L là anh trai anh L chăm sóc 6 ngày tự nguyện không yêu cầu, số ngày còn lại con trai của bị cáo chăm sóc nên tự nguyện không yêu cầu;

- Tổn thất tinh thần: Căn cứ qui định của Điều 590 BLDS qui định mức tổn thất tinh thần tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Anh L bị thương tích 39% nên Hội đồng xét xử xác định mức tổn thất tinh thần tương đương 20 Thg lương cơ sở; theo Nghị định

24/2023/NĐ – CP ngày 14/5/2023 mức lương cơ sở được áp dụng từ 01/7/2023 là 1.800.000đ; như vậy $1.800.000đ \times 20 \text{ Thg} = 36.000.000đ$.

Xét yếu tố lỗi để xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì thấy bị cáo có lỗi hoàn toàn nên buộc bị cáo phải chịu toàn bộ thiệt hại của bị hại là 122.153.048đồng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 90.905.048đ nên hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại là 31.248.000đ. Anh L yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường tổng số tiền là 300.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

[5]- Về vật chứng: Đối với viên đá cần tịch thu cho tiêu hủy;

[6]- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Căn Cứ: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

* Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

* Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C **03 (ba)** năm tù . Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, Điều 590 của Bộ luật dân sự; Điều 2, Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ – HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số qui định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trương Trọng L số tiền là 122.153.048đồng bị cáo đã tự nguyện bồi thường 90.905.048đ. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh L số tiền là 31.248.000đ (*Ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, hủy bỏ 01 viên đá kích thước (6x7x6)cm trong 01 hộp bìa cát tông dán kín ký hiệu A bên trên có chữ ký của Hàn Ngọc H, Bùi Văn C, Nguyễn Văn Cường, dấu và chữ ký của ông Phạm Tiến Dũng.

(Tình trạng đặc điểm các vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2024 tại Chi cục thi hành án thị xã M).

* Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Văn C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm*

ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.562.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Cơ quan CSĐT -CA thị xã M;
- Cơ quan T.H.A HS-CA thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và T.H.A - Tòa án tỉnh H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tân Huyền